

Số: 14/2025/QĐST-HNGĐ

Án Thi, ngày 10 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1988

Trú tại: Số 16 tổ dân phố T H, TT N N, huyện T Y, tỉnh B G

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn B K, xã B S, huyện Á T, tỉnh H Y

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Tiến D, sinh năm 2024

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu D: Chị A

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm,thu nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/4/2025

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/4/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tiến D, sinh năm 2024 đến tuổi thành niên, anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị A số tiền 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04/2025 đến khi con chung thành niên. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày chị A có đơn đề nghị thi

hành án, nếu anh N không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức : Chị A, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị A tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí DSST (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001446 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Hoàn trả chị A 150.000 đồng. Anh N phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND TT N N, T Y, B G;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu HS.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
THẨM PHÁN**

Nguyễn Đồng D

